TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 08-Phòng Cơ điện, vận tải

Tháng 3 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương 100%		PC HĐCĐ	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ					Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương			BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**104**		**50.625.000**			**1**	**251.731**	**870.000**	**51.746.731**	**2.256.500**	**423.300**	**282.300**	**517.500**	**220.000**	**3.699.600**	**48.047.131**	
1	HL-00194	Nguyễn Quang Hùng	Trưởng phòng	7.302.000	26	A	14.904.000						14.904.000	584.200	109.600	73.100	149.000	55.000	970.900	13.933.100	
2	HL-01806	Đoàn Mạnh Hùng	Phó phòng	8.095.000	26	A	11.907.000						11.907.000	647.700	121.500	81.000	119.100	55.000	1.024.300	10.882.700	
3	HL-04071	Nguyễn Mậu Cường	Phó phòng	6.261.000	26	A	11.907.000						11.907.000	500.900	94.000	62.700	119.100	55.000	831.700	11.075.300	
4	HL-00097	Lê Xuân Phúc	Phó phòng	6.545.000	26	A	11.907.000			1	251.731	870.000	13.028.731	523.700	98.200	65.500	130.300	55.000	872.700	12.156.031	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**596**		**196.728.000**	**12**	**3.969.000**	**2**	**396.462**	**1.740.000**	**202.833.462**	**10.180.000**	**1.909.900**	**1.273.900**	**2.028.800**	**1.265.000**	**16.657.600**	**186.175.862**	
5	HL-00224	Hoàng Quốc Vị	Chuyên viên	5.682.000	26	A	9.836.400					870.000	10.706.400	454.600	85.300	56.900	107.100	55.000	758.900	9.947.500	
6	HL-00406	Bùi Châu Thuấn	Chuyên viên	5.966.000	26	A	9.836.400						9.836.400	477.300	89.500	59.700	98.400	55.000	779.900	9.056.500	
7	HL-01334	Nguyễn Tiến Văn	Chuyên viên	5.154.000	26	A	9.836.400						9.836.400	412.400	77.400	51.600	98.400	55.000	694.800	9.141.600	
8	HL-03428	Nguyễn Huy Quyền	Chuyên viên	5.411.000	26	A	9.836.400						9.836.400	432.900	81.200	54.200	98.400	55.000	721.700	9.114.700	
9	HL-04619	Trần Văn Hanh	Chuyên viên	5.411.000	26	A	9.836.400	3	1.134.000				10.970.400	432.900	81.200	54.200	109.700	55.000	733.000	10.237.400	
10	HL-00223	Lê Hồng Công	Chuyên viên	7.516.000	26	A	8.197.000						8.197.000	601.300	112.800	75.200	82.000	55.000	926.300	7.270.700	
11	HL-03390	Đồng Văn Huấn	Chuyên viên	5.154.000	26	A	8.197.000					870.000	9.067.000	412.400	77.400	51.600	90.700	55.000	687.100	8.379.900	
12	HL-00902	Nguyễn Văn Lâm	Chuyên viên	5.411.000	26	A	8.197.000	1	315.000				8.512.000	432.900	81.200	54.200	85.100	55.000	708.400	7.803.600	
13	HL-04052	Dương Đình Anh	Chuyên viên	5.682.000	26	A	8.197.000						8.197.000	454.600	85.300	56.900	82.000	55.000	733.800	7.463.200	
14	HL-00048	Trần Công Trung	Chuyên viên	6.578.000	26	A	8.197.000						8.197.000	526.300	98.700	65.800	82.000	55.000	827.800	7.369.200	
15	HL-00740	Đoàn Thị Thắm	Chuyên viên	5.154.000	24	A	8.197.000			2	396.462		8.593.462	412.400	77.400	51.600	85.900	55.000	682.300	7.911.162	
16	HL-02986	Uông Sỹ Duẩn	Chuyên viên	5.154.000	26	A	8.197.000						8.197.000	412.400	77.400	51.600	82.000	55.000	678.400	7.518.600	
17	HL-04468	Hà Đình Cường	Chuyên viên	5.154.000	26	A	8.197.000						8.197.000	412.400	77.400	51.600	82.000	55.000	678.400	7.518.600	
18	HL-02051	Nguyễn Tài Chính	Chuyên viên	4.982.000	26	A	8.197.000						8.197.000	398.600	74.800	49.900	82.000	55.000	660.300	7.536.700	
19	HL-01954	Lại Văn Nhật	Chuyên viên	5.682.000	26	A	8.197.000						8.197.000	454.600	85.300	56.900	82.000	55.000	733.800	7.463.200	
20	HL-01517	Phạm Văn Trọng	Chuyên viên	5.966.000	26	A	8.197.000	1	315.000				8.512.000	477.300	89.500	59.700	85.100	55.000	766.600	7.745.400	
21	HL-00471	Phạm Anh Thiện	Chuyên viên	4.982.000	26	A	8.197.000	4	1.260.000				9.457.000	398.600	74.800	49.900	94.600	55.000	672.900	8.784.100	
22	HL-00500	Nguyễn Đức Duy	Chuyên viên	5.682.000	26	A	8.197.000						8.197.000	454.600	85.300	56.900	82.000	55.000	733.800	7.463.200	
23	HL-04601	Vũ Đức Hạnh	Chuyên viên	5.154.000	26	A	8.197.000	3	945.000				9.142.000	412.400	77.400	51.600	91.400	55.000	687.800	8.454.200	
24	HL-01808	Nguyễn Trung Vinh	Chuyên viên	6.264.000	26	A	8.197.000						8.197.000	501.200	94.000	62.700	82.000	55.000	794.900	7.402.100	
25	HL-04172	Đào Mạnh Cường	Chuyên viên	5.411.000	26	A	8.197.000						8.197.000	432.900	81.200	54.200	82.000	55.000	705.300	7.491.700	
26	HL-04521	La Công Quân	Nhân viên	4.982.000	26	A	8.197.000						8.197.000	398.600	74.800	49.900	82.000	55.000	660.300	7.536.700	
27	HL-06503	Chu Quang Minh	Nhân viên	4.704.000	26	A	8.197.000						8.197.000	376.400	70.600	47.100	82.000	55.000	631.100	7.565.900	
Tổng cộng					**700**		**247.353.000**	**12**	**3.969.000**	**3**	**648.193**	**2.610.000**	**254.580.193**	**12.436.500**	**2.333.200**	**1.556.200**	**2.546.300**	**1.485.000**	**20.357.200**	**234.222.993**	

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 4 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng